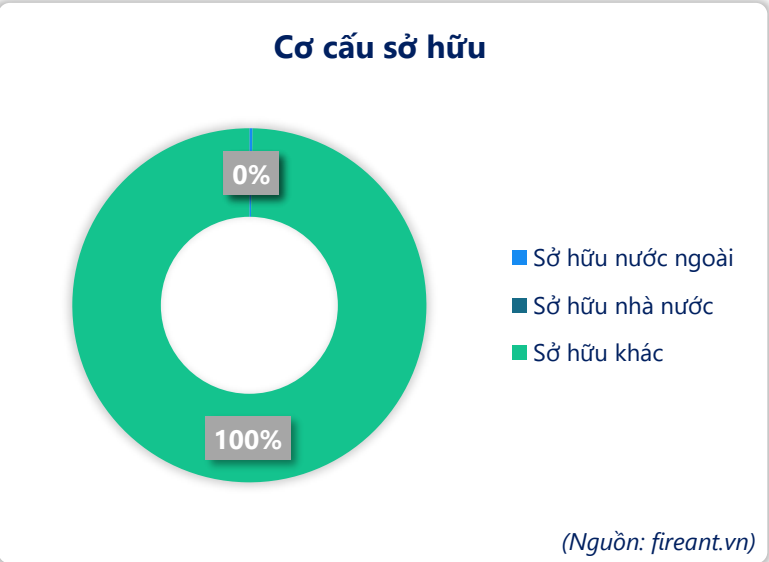
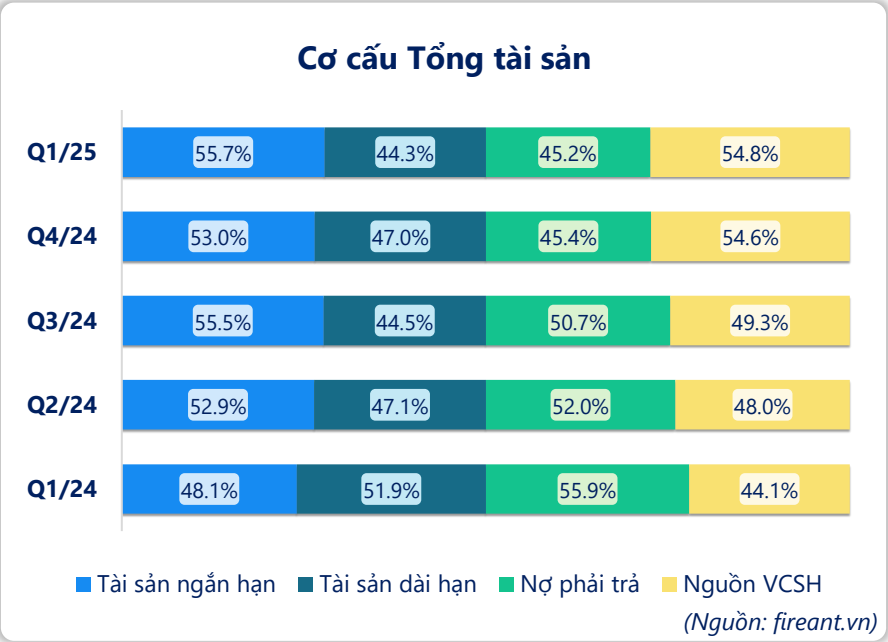
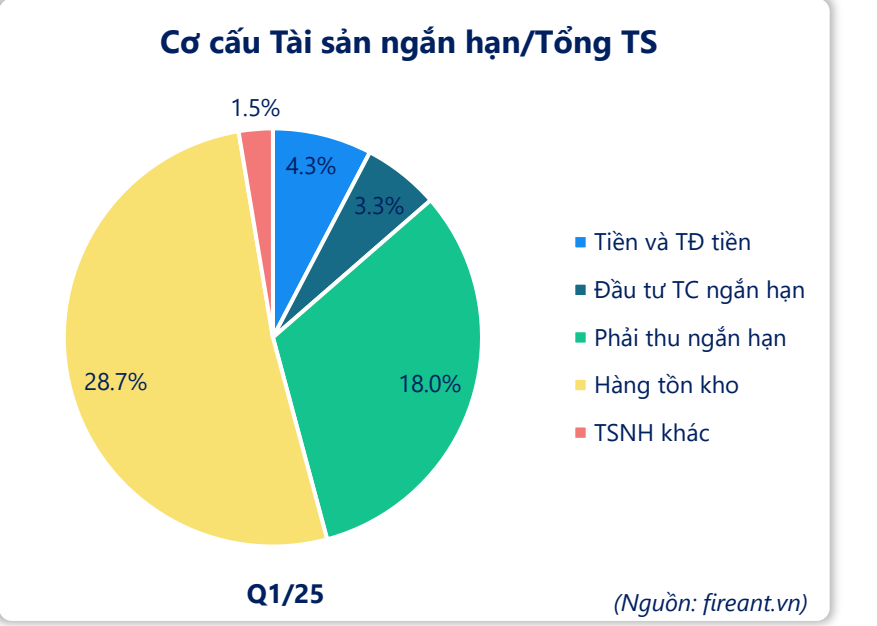
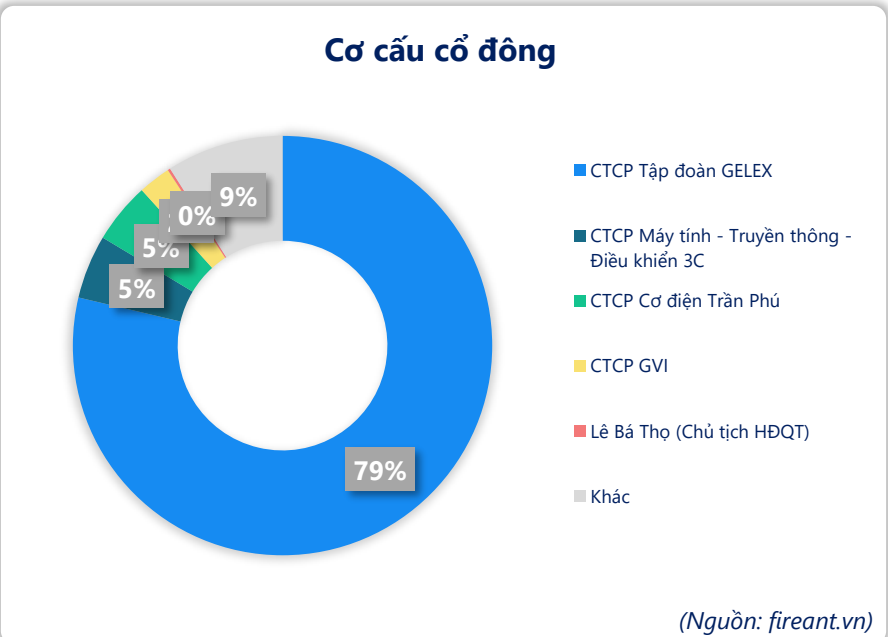
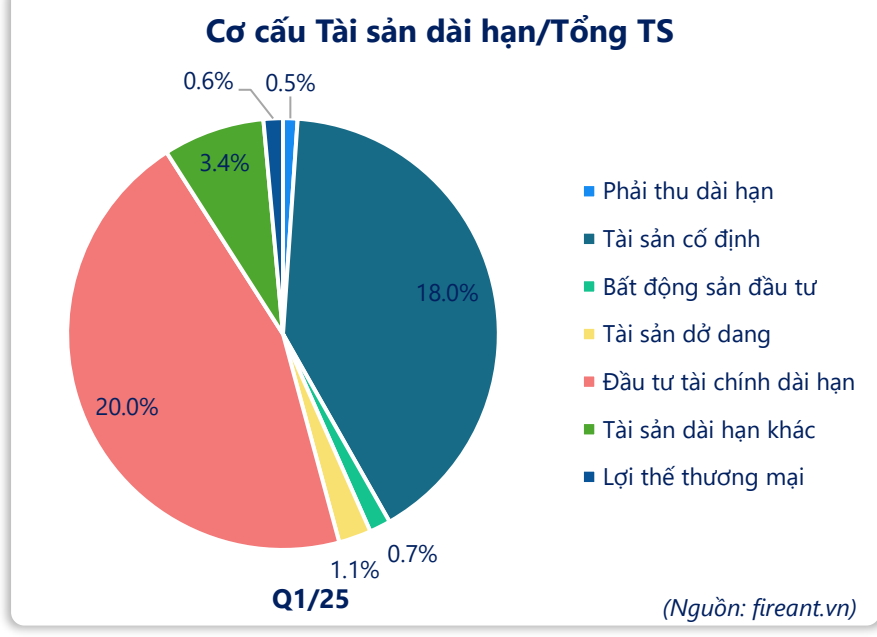
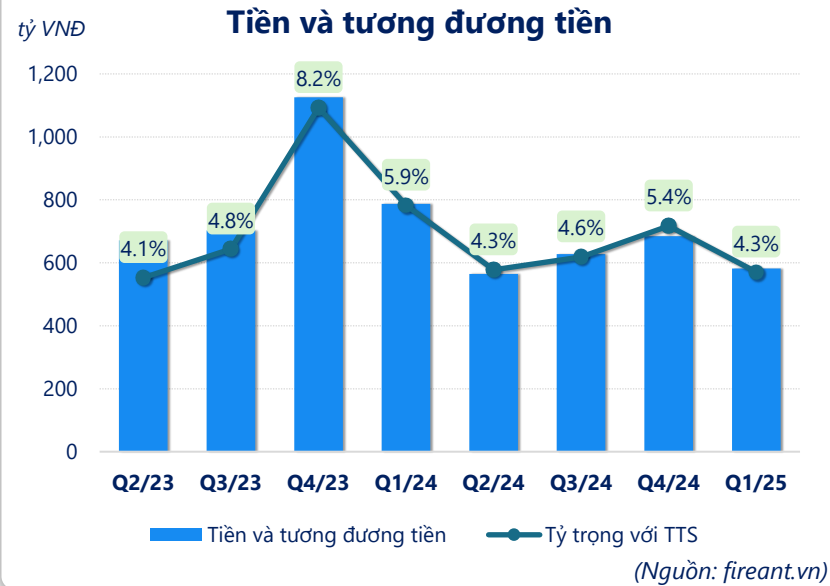
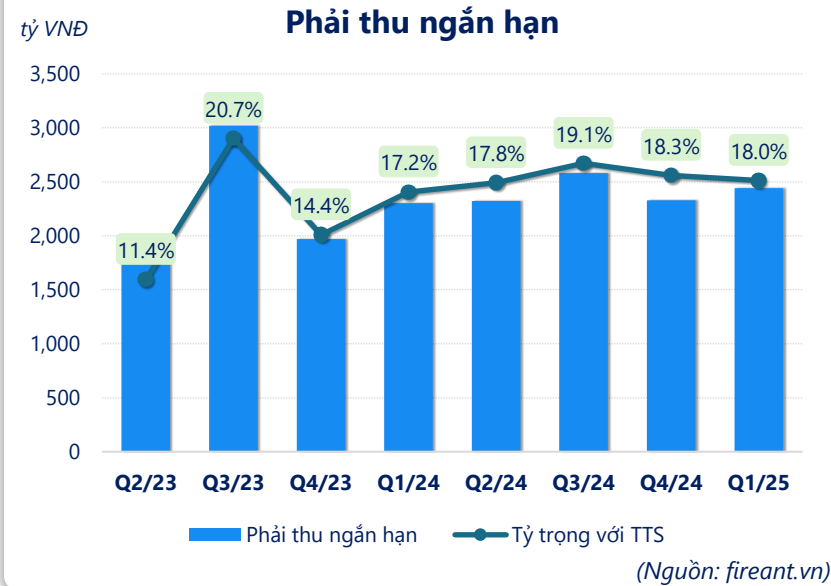
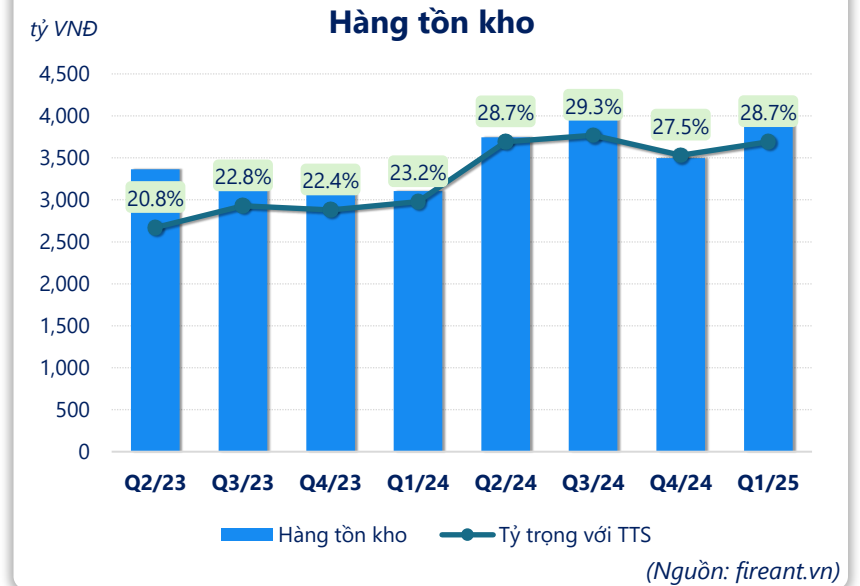
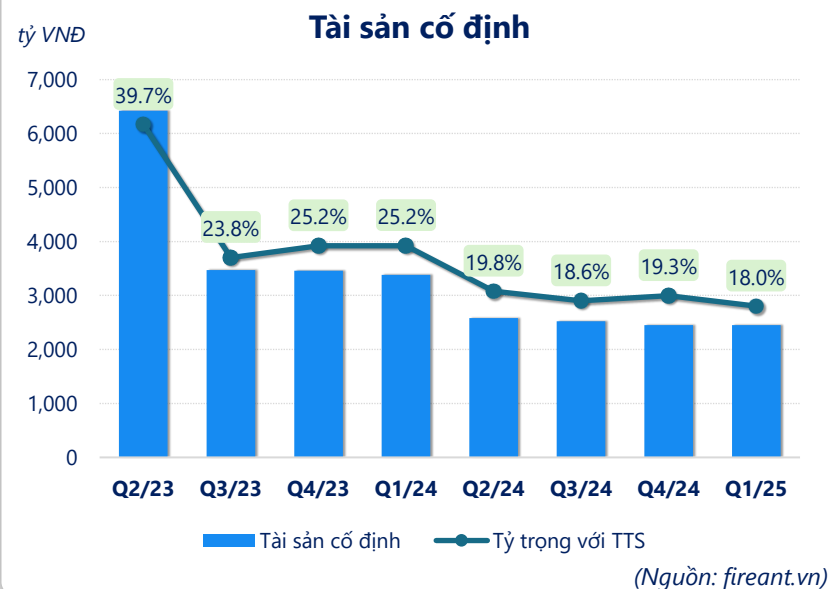
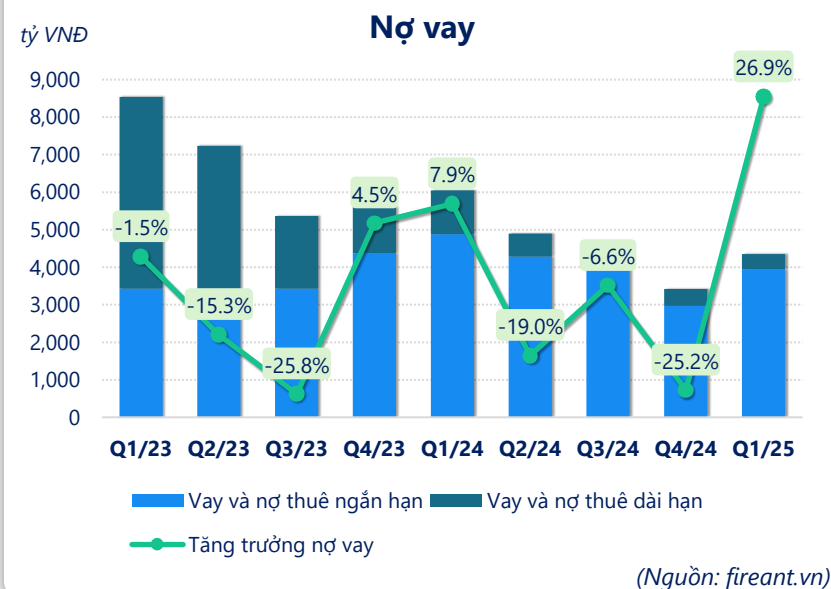
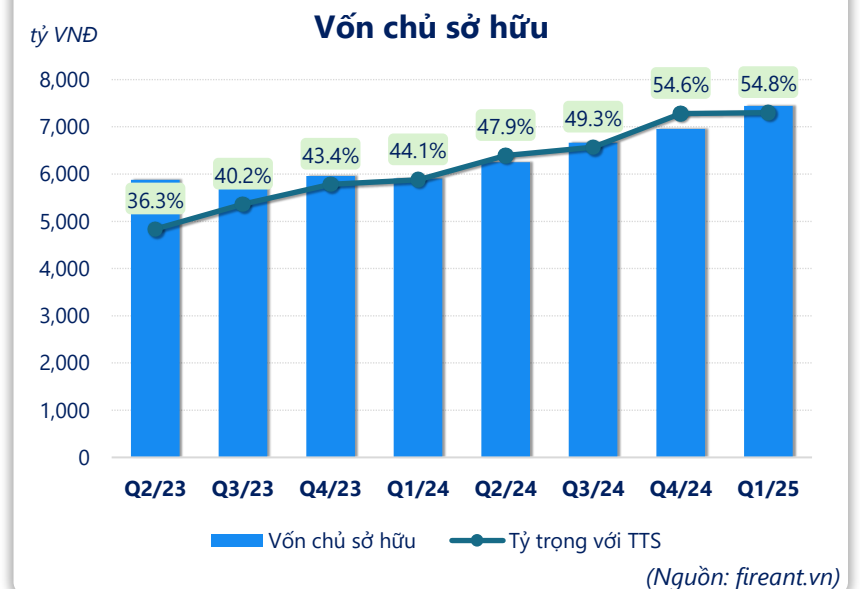
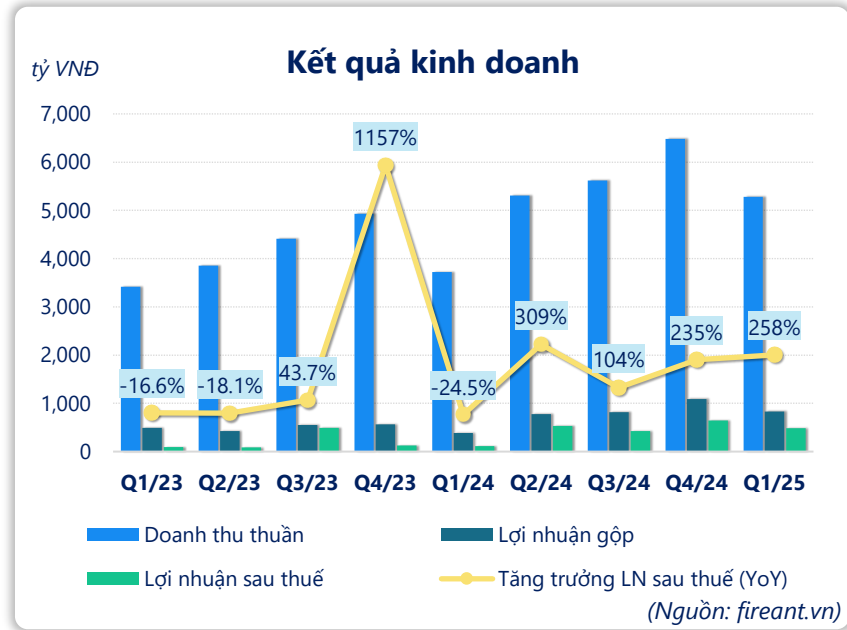
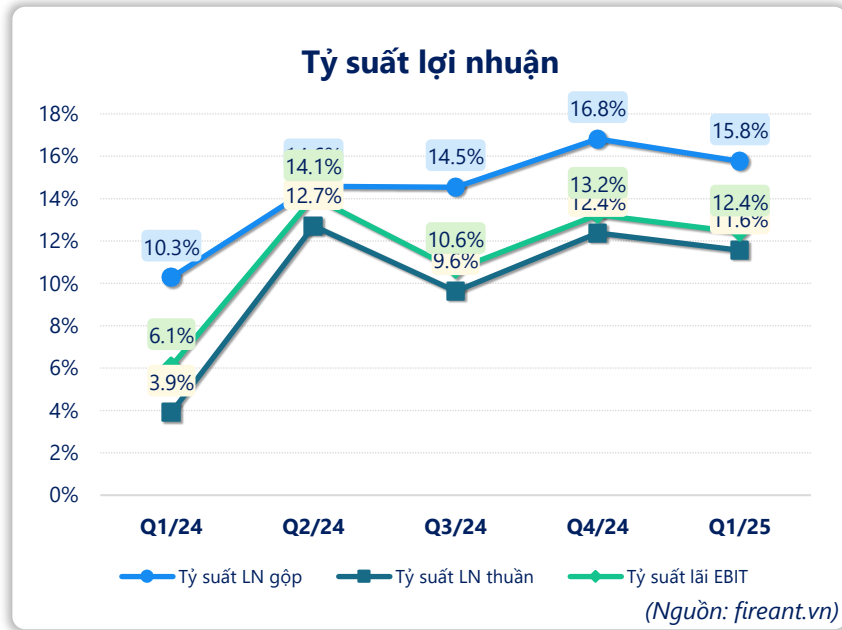
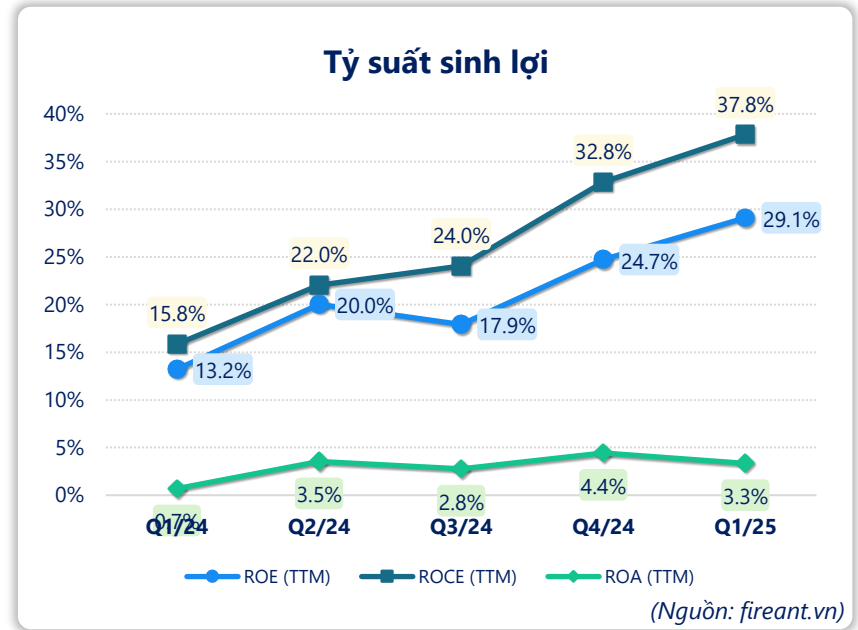
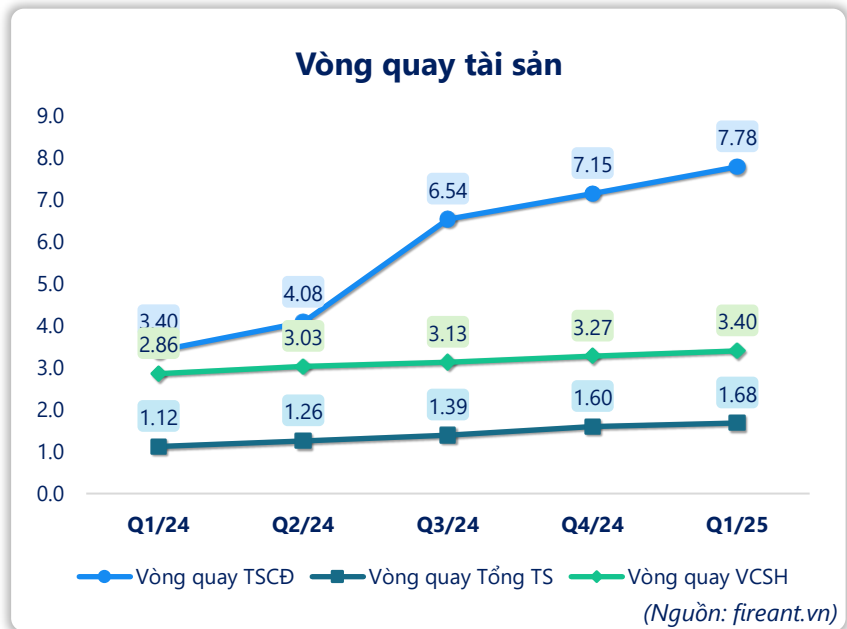
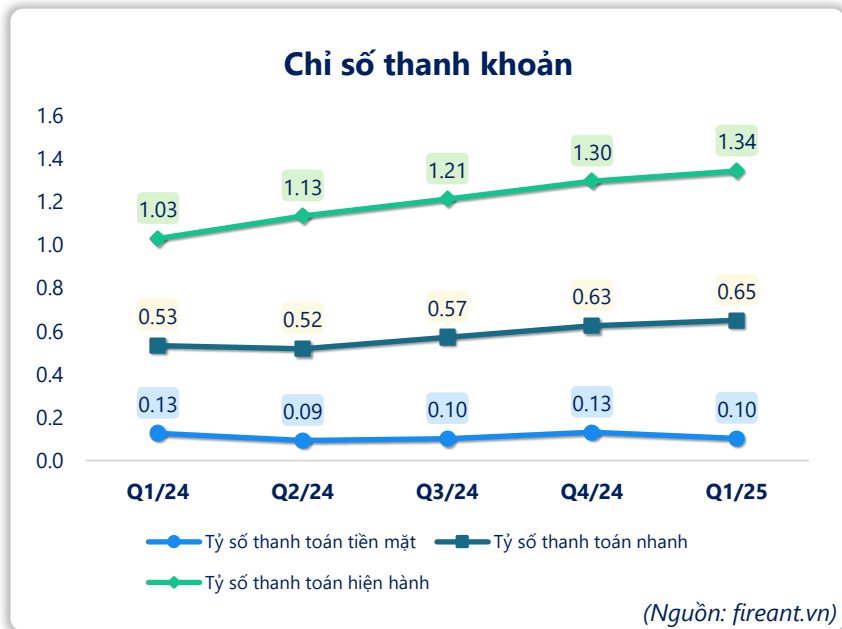
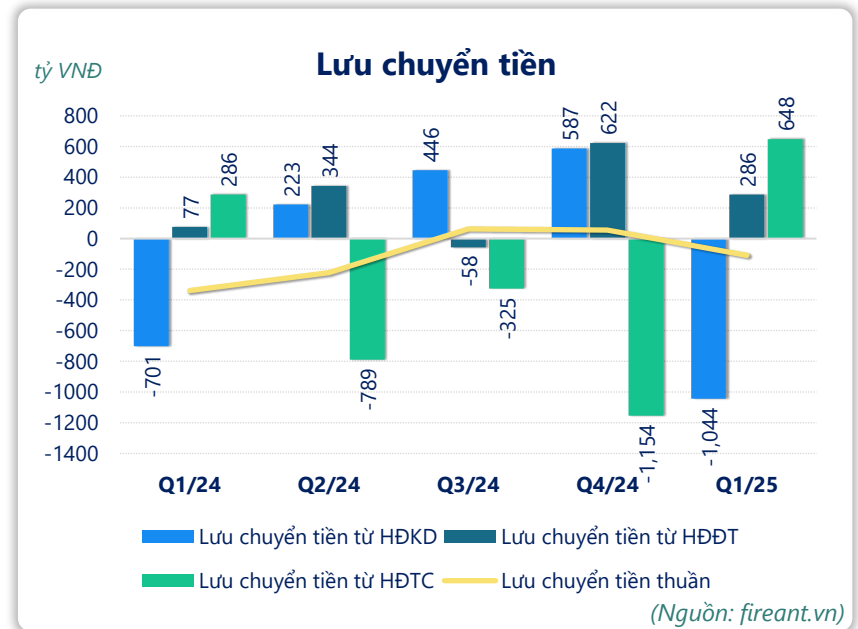


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		69,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		305,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,376,315
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		21,320
P/E		11.0
EPS		6,370

	YTD	1T	3T	6T
GEE	157.8%	38.9%	155.1%	168.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,597	12,903	5.4%
Tài sản ngắn hạn	7,576	6,861	10.4%
Tiền và tương đương tiền	582	692	-15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	449	79.5	464%
Phải thu ngắn hạn	2,441	2,253	8.3%
Hàng tồn kho	3,905	3,680	6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	199	157	27.4%
Tài sản dài hạn	6,021	6,042	-0.4%
Phải thu dài hạn	65.4	70.2	-6.8%
Tài sản cố định	2,450	2,453	-0.1%
Bất động sản đầu tư	95.6	123	-22.2%
Tài sản dở dang	146	173	-15.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,717	2,662	2.1%
Tài sản dài hạn khác	459	466	-1.6%
Lợi thế thương mại	87.4	94.8	-7.8%
Nợ phải trả	6,152	5,950	3.4%
Nợ ngắn hạn	5,638	5,381	4.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,948	2,971	32.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	702	1,126	-37.6%
Nợ dài hạn	514	569	-9.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	399	453	-12.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,445	6,953	7.1%
Vốn chủ sở hữu	7,445	6,953	7.1%
Vốn điều lệ	3,050	3,000	1.7%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	3,720	5,310	5,619	6,481	5,281
Giá vốn hàng bán	3,338	4,535	4,801	5,391	4,448
Lợi nhuận gộp	382	775	817	1,090	832
Doanh thu HĐTC	44.8	322	68.9	109	32.2
Chi phí TC	134	199	158	118	78.0
Chi phí lãi vay	79.1	72.8	62.0	55.4	47.1
LN trong công ty LKLD	7.06	21.8	-1.81	-2.34	28.6
Chi phí bán hàng	71.2	123	89.7	126	91.8
Chi phí QLDN	83.7	122	95.6	149	113
LN thuần từ HĐKD	145	675	541	802	610
Lợi nhuận khác	2.48	-0.63	-5.76	0.26	-2.33
LN trước thuế	148	674	536	803	608
Lợi nhuận sau thuế	116	534	425	646	487
LNST của CĐ cty mẹ	105	516	388	587	452

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-701	223	446	587	-1,044
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	76.7	344	-57.6	622	286
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	286	-789	-325	-1,154	648
Tiền đầu kỳ	1,125	787	565	627	692
Lưu chuyển tiền thuần	-338	-222	62.8	55.6	-110
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	0.49	-0.22	1.40	0.06
Tiền cuối kỳ	787	565	627	684	582

(Nguồn: fireant.vn)